

Bản án số: **07/2021/KDTM-ST**

Ngày: 14 và 17/5/2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Lệ**.
2. Ông: **Nguyễn Quốc Tiến**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:
Bà **Đông Thanh Lam** – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trong các ngày 14 và 17 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông T1hường vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 26/2020/TLST-KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2020, về “*Tranh chấp hợp đồng thi công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT)**.

Địa chỉ: Số 531 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Thanh S**. Chức vụ: Giám đốc. (Có mặt).

* Bị đơn: **Công ty TNHH Thành T**.

Địa chỉ trụ sở: Số 187 đường Lê Phụng Hiểu, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- *Người đại diện theo pháp luật:*

1. Ông **Ngô Đức T1** – Chức vụ: Giám đốc Công ty (đã chết);

2. Ông **Ngô Minh T2**, sinh năm: 1995 – Là thành viên góp vốn của Công ty và là người đại diện hợp pháp của ông Ngô Đức T1 (Do là con trai của ông T1 – Có mặt).

Nơi ĐKTT: Số 187 đường Lê Phụng Hiểu, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Lô 8-Căn 9 đường Phan Thị Ràng, khu phố 4, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Người đại diện hợp pháp:

1. Bà **Nguyễn Thị T3**, sinh năm: 1974 – Là người đại diện hợp pháp của ông Ngô Đức T1 và chị Ngô Bảo C (Do là vợ của ông T1 và là mẹ ruột chị Ngô Bảo C – Vắng mặt).

2. Chị **Ngô Bảo C**, sinh ngày: 12/01/2013 – Là con gái của ông Ngô Đức T1. (Vắng mặt)

Nơi ĐKTT: Số 187 đường Lê Phụng Hiểu, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Lô 8-Căn 9 đường Phan Thị Ràng, khu phố 4, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Ông **Ngô Đức C**, sinh năm: 1943 – Là cha ruột của ông Ngô Đức T1. (Có đơn xin vắng mặt)

4. Bà **Hà Thị L**, sinh năm: 1941 – Là mẹ ruột của ông Ngô Đức T1. (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 24 đường Bùi Thị Xuân, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Người làm chứng:

1. **Công ty cổ phần Bất động sản KG.**

Địa chỉ: Số 738 đường Nguyễn Trung Trực, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông La Hải B. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Huỳnh Bá B. Chức vụ: Trưởng Phòng Đầu tư và Tư vấn xây dựng Công ty cổ phần Bất động sản KG. (Có mặt)

2. **Ngân hàng TMCP QĐ - Chi nhánh Kiên Giang.** (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 24-26-28 đường Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT) - ông Phan Thanh S trình bày:*

Vào năm 2018, Công ty phát triển hạ tầng Khu KT và Công ty TNHH Thành T có ký kết Hợp đồng số 10/2018//HĐKT-TCXD ngày 29/6/2018 về việc thực hiện gói thầu số 135:

+ Thi công xây dựng hạng mục hàng rào Khu công nghiệp Thạnh Lộc đoạn dài 942,497m (từ km 0+762,85 đến km 1+705,347) và đoạn dài 884,7m (từ km 0+0,000 đến km 0+884,7), thuộc dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Lộc (mới), giai đoạn quy mô 150ha.

+ Thời gian thực hiện hợp đồng là: 210 ngày (ngày giao mặt bằng là ngày 16/7/2018, ngày kết thúc hợp đồng là ngày 24/4/2019).

+ Giá trị hợp đồng là: 5.994.109.327 đồng.

+ Tạm ứng hợp đồng: 40% giá trị hợp đồng là **2.397.643.000** đồng.

Trong quá trình thi công, Công ty TNHH Thành T có nêu ra một số điều kiện khách quan về thời tiết nên không thể thi công kịp tiến độ và đề nghị Công ty phát triển hạ tầng Khu KT gia hạn hợp đồng 02 lần. Cụ thể:

- Gia hạn lần 1: 120 ngày, từ ngày 30/4/2019 đến ngày 27/8/2019.

- Gia hạn lần 2: 125 ngày, từ ngày 28/8/2019 đến ngày 30/12/2019.

Nhưng đến khi hết thời gian gia hạn vào ngày 30/12/2019, Công ty TNHH Thành T chỉ thi công được 16% khối lượng so với hợp đồng đã ký và đã thanh toán khối lượng công trình với giá trị là **962.043.745** đồng (Chín trăm sáu mươi hai triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng) để hoàn lại một phần tiền tạm ứng, còn lại số tiền **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng) Công ty TNHH Thành T đã tạm ứng nhưng vẫn chưa hoàn lại cho Công ty phát triển hạ tầng Khu KT và đã ngưng thi công không có lý do, nên Công ty phát triển hạ tầng Khu KT đã ra Thông báo số 232/TB-CTPHT ngày 31/12/2019 về việc chấm dứt thi công do thời gian gia hạn thi công lần 2 đã hết và hai bên không có thỏa thuận gì khác.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT) là ông Phan Thanh S xác nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại do yếu tố trượt giá đối với phần khối lượng chưa thực hiện khi tổ chức đấu thầu lại với giá trị là **377.992.214** đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm mười bốn đồng), chỉ yêu cầu Công ty TNHH Thành T phải hoàn lại số tiền tạm ứng theo hợp đồng còn thừa lại so với giá trị khối lượng đã

thực hiện là **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng) và không yêu cầu tính lãi. Do là vốn Ngân sách Nhà nước, nên yêu cầu Công ty TNHH Thành T phải hoàn trả toàn bộ số tiền nói trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với khối lượng công trình Công ty TNHH Thành T đã thi công được sau khi quyết toán tạm ứng lần I, Công ty TNHH Thành T khi thi công phải có kế hoạch thi công từng phần để đơn vị giám sát thi công theo dõi và giám sát, nhưng Công ty TNHH Thành T tự thi công và không có kế hoạch cụ thể như yêu cầu. Ngoài ra, khi chấm dứt hợp đồng, Công ty phát triển hạ tầng Khu KT đã nhiều lần mời phía Công ty TNHH Thành T đến để xác định khối lượng đã thi công trong thời gian thực hiện hợp đồng và khối lượng còn lại của gói thầu, bàn giao các thủ tục, hồ sơ liên quan đến công trình của gói thầu 135, và tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng, nhưng phía Công ty TNHH Thành T đều không có mặt để hợp tác giải quyết vấn đề, nên Công ty phát triển hạ tầng Khu KT đã tiến hành nghiệm thu nhưng các khối lượng đó đều không đạt chuẩn chất lượng và không sử dụng được. Trường hợp, Công ty TNHH Thành T thu thập được chứng cứ hoặc chứng minh được khối lượng hạng mục đã thi công thêm đạt chất lượng thì có thể khởi kiện thành một vụ kiện khác và phía Công ty phát triển hạ tầng Khu KT sẽ phối hợp giải quyết.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Thành T, đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông Ngô Đức T1 - ông Ngô Minh T2 trình bày:*

Công ty TNHH Thành T có ký kết Hợp đồng số 10/2018//HĐKT-TCXD ngày 29/6/2018 với Công ty phát triển hạ tầng Khu KT về việc thực hiện gói thầu số 135: Thi công xây dựng hạng mục hàng rào Khu công nghiệp Thạnh Lộc đoạn dài 942,497m (từ km 0+762,85 đến km 1+705,347) và đoạn dài 884,7m (từ km 0+0,000 đến km 0+884,7), thuộc dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Lộc (mới), giai đoạn quy mô 150ha. Thời gian thực hiện hợp đồng và giá trị hợp đồng là đúng như phía Công ty phát triển hạ tầng Khu KT đã trình bày.

Quá trình thi công, Công ty TNHH Thành T có tạm ứng từ phía Công ty phát triển hạ tầng Khu KT 40% giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là **2.397.643.000** đồng (Hai tỷ, ba trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng), và đã thi công công trình được khối lượng trị giá là **962.043.745** đồng (Chín trăm sáu mươi hai triệu, không T1răm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng). Nay, giữa hai bên đã chấm dứt hợp đồng thi công và hiện Công ty TNHH Thành T còn nợ tạm ứng của Công ty phát triển hạ tầng Khu KT số tiền là **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng).

Tại phiên tòa, ông Ngô Minh T2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thành T và là người đại diện hợp pháp của ông Ngô Đức T1 xác nhận số tiền tạm ứng còn nợ lại Công ty phát triển hạ tầng Khu KT là **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng), nhưng ông T2 đại diện Công ty TNHH Thành T có ý kiến không đồng ý trả số tiền nêu trên cho Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT), vì lý do sau khi cha ông là ông Ngô Đức T1 quyết toán khối lượng thi công lần I để trừ tạm ứng số tiền **962.043.745** đồng (Chín trăm sáu mươi hai triệu, không trăm bốn mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng) thì bị bệnh nan y và qua đời, mẹ ông là bà Nguyễn Thị T3 đã tiếp tục điều hành Công ty và tiếp tục thi công thêm được một phần khối lượng công trình, nhưng quá trình thi công có lập kế hoạch để đơn vị giám sát là Công ty cổ phần Bất động sản KG thực hiện việc giám sát chất lượng và tiến độ thi công hay không thì ông T2 không được biết rõ, vì thời gian đó ông đi nghĩa vụ không có mặt ở địa phương, Công ty TNHH Thành T khi đó do mẹ ông là bà Nguyễn Thị T3 toàn quyền quản lý, điều hành và hoạt động. Nay, tại phiên tòa ông T2 yêu cầu được làm rõ lại khối lượng thi công thêm, và khấu trừ vào số tiền tạm ứng **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng), số tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Công ty TNHH Thành T mới đồng ý hoàn trả cho Công ty phát triển hạ tầng Khu KT.

** Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Công ty cổ phần Bất động sản KG là ông Huỳnh Bá B trình bày:*

Công trình xây dựng hạng mục hàng rào Khu công nghiệp Thạnh Lộc thuộc hạng mục phải đấu thầu và Công ty TNHH Thành T là đơn vị trúng thầu, Công ty cổ phần Bất động sản KG có vai trò giám sát chất lượng và tiến độ thi công công trình. Quá trình thực hiện thi công, Công ty TNHH Thành T đã chậm tiến độ do nhiều lý do nên đã gia hạn thời gian 02 lần, nhưng đến khi hết thời gian gia hạn vào ngày 30/12/2019, Công ty TNHH Thành T chỉ mới thi công được khoảng 20% của giá trị hợp đồng và tháng 8/2019 mới quyết toán khối lượng thi công lần I để trừ tạm ứng. Đồng thời, theo quy trình thi công thì trước khi thi công phần nào, nhà thầu phải lập kế hoạch, tùy theo yêu cầu của chủ đầu tư mà có kế hoạch tuần, nửa tháng hay tháng rồi mới thi công theo kế hoạch đó, nhưng phần thi công thêm sau quyết toán đợt I phía Công ty TNHH Thành T không có kế hoạch để Công ty cổ phần Bất động sản KG thực hiện giám sát và tự thực hiện thi công, nhưng vẫn trễ hạn và khối lượng thi công thêm không đạt chất lượng nên không sử dụng được và không nghiệm thu được để trừ vào tạm ứng. Ngoài ra, sau khi hết thời gian gia hạn lần II, phía Công ty phát triển hạ tầng Khu KT có thiện chí mời đại diện Công ty TNHH Thành T làm việc nhiều lần, nhưng phía Công ty TNHH Thành T đều vắng mặt, gây khó khăn cho phía Công ty phát triển hạ tầng Khu KT trong việc nghiệm thu và quyết toán. Công trình không thể kéo dài tiến độ nên phía Công ty phát triển hạ tầng Khu KT buộc phải nghiệm thu vắng mặt đại diện Công ty TNHH

Thành T để trưng cầu nhà thầu khác tiếp tục thi công khối lượng công trình dở dang còn lại.

** Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T3 đại diện hợp pháp của ông Ngô Đức T1 và chị Ngô Bảo C, ông Ngô Đức C và bà Hà Thị L là người đại diện hợp pháp của ông Ngô Đức T1 cùng đại diện Ngân hàng TMCP QĐ - Chi nhánh Kiên Giang vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, riêng những người đại diện hợp pháp của ông Ngô Đức T1 chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T3 và chị Ngô Bảo C vắng mặt không có lý do. Về thời hạn giải quyết vụ án, vụ án được thụ lý vào ngày 02/7/2020 nhưng đến ngày 14/5/2021 mới đưa ra xét xử là đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT) đối với yêu cầu Công ty TNHH Thành T hoàn trả số tiền tạm ứng là **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng), và đình chỉ xem xét đối với yêu cầu Công ty TNHH Thành T bồi thường thiệt hại do yếu tố trượt giá đối với phần khối lượng chưa thực hiện khi tổ chức đấu thầu lại với giá trị là **377.992.214** đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm mười bốn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Thành T phải hoàn lại số tiền tạm ứng để thi công công trình nhưng chưa thực hiện là **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng). Ngoài ra, Công ty TNHH Thành T có địa chỉ trụ sở tại số 187 đường Lê Phụng Hiểu, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng*

thi công”, và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Đức T1 là ông Ngô Đức C, bà Hà Thị L (do là cha và mẹ ruột của ông T1) và bà Nguyễn Thị T3 (là vợ ông Ngô Đức T1 và là mẹ chị Ngô Bảo C) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông Chiến, bà Lựu, bà Tú và chị Châu là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Đức C, bà Hà Thị L, Bà Nguyễn Thị T3 và chị Ngô Bảo C.

[3] Về nội dung: Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT) là ông Phan Thanh S và người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Thành T, đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông Ngô Đức T1- ông Ngô Minh T2 đều thống nhất xác nhận giữa hai bên có ký kết Hợp đồng thi công số 10/2018//HĐKT-TCXD ngày 29/6/2018 về việc thực hiện gói thầu số 135: Thi công xây dựng hạng mục hàng rào Khu công nghiệp Thạnh Lộc đoạn dài 942,497m (từ km 0+762,85 đến km 1+705,347) và đoạn dài 884,7m (từ km 0+0,000 đến km 0+884,7), thuộc dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thạnh Lộc (mới), giai đoạn quy mô 150ha. Thời gian thực hiện hợp đồng, giá hạn hợp đồng và giá trị hợp đồng là đúng như nguyên đơn Công ty phát triển hạ tầng Khu KT đã trình bày và thống nhất xác định sau khi kết thúc gia hạn hợp đồng lần 2 vào ngày 30/12/2019, Công ty TNHH Thành T chỉ thi công được 16% khối lượng công trình so với hợp đồng đã ký và đã thanh toán khối lượng với giá trị là **962.043.745** đồng (Chín trăm sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng) để hoàn lại một phần tiền tạm ứng, còn lại số tiền **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng) Công ty TNHH Thành T đã tạm ứng nhưng vẫn chưa hoàn lại cho Công ty phát triển hạ tầng Khu KT và đã ngưng thi công không có lý do, nên Công ty phát triển hạ tầng Khu KT đã ra Thông báo số 232/TB-CTPHT ngày 31/12/2019 về việc chấm dứt Hợp đồng thi công do thời gian gia hạn thi công lần 2 cũng đã hết và hai bên không có thỏa thuận gì khác.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT xác định chỉ khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Thành T phải hoàn lại số tiền tạm ứng theo hợp đồng còn thừa lại so với giá trị khối lượng đã thực hiện là **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng), đối với số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại do yếu tố trượt giá đối với phần khối lượng chưa thực hiện khi tổ chức đấu thầu lại với giá trị là **377.992.214** đồng

(Ba trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm mười bốn đồng), Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT không yêu cầu Công ty TNHH Thành T bồi thường. Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức và nội dung Hợp đồng thi công hai bên đã ký kết là đúng với quy định tại Điều 398, Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 138, Điều 141 của Luật Xây dựng năm 2014. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền **377.992.214** đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm mười bốn đồng) là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này. Đối với yêu cầu Công ty TNHH Thành T phải hoàn lại số tiền tạm ứng theo hợp đồng còn thừa lại là **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng), xét thấy hai bên nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về số tiền tạm ứng, số tiền đã quyết toán so với khối lượng công trình và số tiền tạm ứng còn thừa lại. Đồng thời, tại Giấy rút vốn đầu tư đề ngày 05/7/2018 và Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư đề ngày 05/7/2018 (Bút lục 20, 22) đều thể hiện số tiền tạm ứng để thi công công trình là **2.397.643.000** đồng (Hai tỷ, ba trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn đồng) và đơn vị thụ hưởng là Công ty TNHH Thành T. Và tại Giấy rút vốn đầu tư đề ngày 10/12/2019 và Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư đề ngày 10/12/2019 (Bút lục 23, 25) đều thể hiện số tiền thanh toán tạm ứng là **962.043.745** đồng (Chín trăm sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

Đối với yêu cầu của của ông Ngô Minh T2 về việc xem xét lại khối lượng thi công giai đoạn sau khi ông Ngô Đức T1 qua đời, Công ty TNHH Thành T do Bà Nguyễn Thị T3 điều hành đã thi công thêm được một phần để cán trừ vào số tiền tạm ứng phải trả, xét thấy căn cứ vào hồ sơ do phía nguyên đơn cung cấp thể hiện sau khi hết thời gian gia hạn hợp đồng lần II vào ngày 30/12/2019, phía Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT đã 03 lần mời đại diện Công ty TNHH Thành T là bà Nguyễn Thị T3 đến làm việc vào các ngày 14/02/2020, 21/02/2020 và ngày 10/6/2020 để xác định khối lượng đã thi công trong thời gian thực hiện hợp đồng và khối lượng còn lại của gói thầu, bàn giao các thủ tục, hồ sơ liên quan đến công trình của gói thầu 135, và tiến hành thủ tục thanh lý hợp đồng, nhưng phía Công ty TNHH Thành T đều không có mặt để hợp tác giải quyết vấn đề, nên Công ty phát triển hạ tầng Khu KT đã tiến hành nghiệm thu nhưng các khối lượng đó đều không đạt chuẩn chất lượng và không sử dụng được. Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị T3 và ông Ngô Minh T2 đều đã được tiếp cận, công khai các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ và vào ngày 09/3/2021, Tòa án có mời các bên làm việc để giải quyết yêu cầu của phía bị đơn, nhưng ông T2 và những người đại diện theo pháp luật của ông Ngô Đức T1 đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Công ty Phát triển hạ tầng Khu KT và đại diện Công ty TNHH Thành T đều thống nhất đồng ý nếu Công ty TNHH Thành T thu thập được

chứng cứ hoặc chứng minh được khối lượng hạng mục đã thi công thêm đạt chất lượng thì có thể khởi kiện thành một vụ kiện khác.

Xét các căn cứ trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, cần buộc bị đơn Công ty TNHH Thành T phải có nghĩa vụ hoàn lại số tiền đã tạm ứng còn lại là **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng) cho phía nguyên đơn Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT).

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, Điều 353, Điều 328, Điều 398, Điều 401; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 113, Điều 138, Điều 139, Điều 140, Điều 141, Điều 144, điểm b khoản 2 Điều 145 của Luật Xây dựng năm 2014.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT).

Buộc Công ty TNHH Thành T phải hoàn trả cho Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT) số tiền tạm ứng còn lại là **1.435.599.255** đồng (Một tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng) sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT) về việc yêu cầu Công ty TNHH Thành T bồi thường thiệt hại do yếu tố trượt giá đối với phần khối lượng chưa thực hiện khi tổ chức đấu thầu lại với giá trị là **377.992.214** đồng (Ba trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, hai trăm mười bốn đồng).

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Công ty TNHH Thành T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch trên số tiền 1.435.599.255 đồng phải trả cho nguyên đơn là: 36.000.000 đồng + (635.599.255 đồng x 3%) = **55.067.977** đồng (Năm mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi bảy đồng).

- Hoàn trả cho Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **33.205.000** đồng (Ba mươi ba triệu, hai trăm lẻ năm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0004435 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Công ty phát triển hạ tầng Khu KT (nay là Trung tâm phát triển hạ tầng Khu KT), bị đơn Công ty TNHH Thành T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (17/5/2021). Những người đại diện hợp pháp của ông Ngô Đức T1 như ông Ngô Đức C, bà Hà Thị L, Bà Nguyễn Thị T3 và chị Ngô Bảo C vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án kinh doanh thương mại.

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THSDA TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Thanh